

Số: 4620/QĐ-UBND

Gò Vấp, ngày 03 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chính sách đặc thù chăm lo, hỗ trợ người cao tuổi, trẻ em mồ côi và những đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố;

Căn cứ Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 42/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng;

Căn cứ Thông tư số 11/2023/TT-BNV ngày 01 tháng 8 năm 2023 của Bộ

Nội vụ về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu-chi ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Công văn số 5035/UBND-VX ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thực hiện đánh giá, phân loại hàng quý theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 19/9/2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Quy định về chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội;

Công văn số 5601/UBND-VX ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập trong cơ sở giáo dục; Công văn số 2658/SGDDT-TC ngày 05/8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo trực tiếp giảng dạy người khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập trong cơ sở giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 4539/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về giao dự toán chi ngân sách năm 2023; giao số thu phí, lệ phí, thu khác đối với phòng, ban chuyên môn thuộc quận, thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4540/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về giao dự toán chi ngân sách năm 2023 đối với 4 đơn vị khối đoàn thể; thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4545/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2023; giao số thu phí, lệ phí, thu khác đối với 16 phường thuộc quận, thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính;

Căn cứ Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc giao quản lý và tham mưu điều hành chi ngân sách nhà nước theo các lĩnh vực năm 2023; giao dự toán chi ngân sách năm 2023 thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện cho Phòng Tài chính – Kế hoạch quản lý;

Căn cứ Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc giao biên chế viên chức hưởng lương từ



ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc ngành giáo dục Gò Vấp,

Căn cứ Kế hoạch số 4217/KH-BCĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” về việc tổ chức Hội thi “Khu phố tôi yêu” năm 2023;

Theo đề nghị của đơn vị và ý kiến của phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 1246/TTr-TCKH ngày 03 tháng 11 năm 2023 về điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán thuộc quận với tổng số tiền là 20.970.242.265 đồng (Hai mươi tỉ chín trăm bảy mươi triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi lăm đồng.)

(chi tiết theo phục lục đính kèm)

Nguồn kinh phí: Nguồn dự toán thành phố giao đầu năm ngân sách quận chưa phân giao năm 2023 do Phòng Tài chính – Kế hoạch được giao quản lý tại Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 và dự toán kinh phí hoạt động chuyên ngành do Phòng Giáo dục và Đào tạo đang quản lý.

Điều 2. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch: 4.739.038.265 đồng.

Điều 3. Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo: 16.231.204.000 đồng

Điều 4. Thủ trưởng đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 2, Điều 3 có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, sử dụng đúng mục đích nguồn kinh phí này và quyết toán đúng quy định hiện hành.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Gò Vấp, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nêu ở Điều 1, Điều 2, Điều 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Tham*

Nơi nhận:

- Như điều 5; “để thực hiện”
- Sở Tài chính;
- TT Quận ủy;
- Các PCT UBND quận;
- UB MTTQ VN quận;
- Các phòng ban chuyên môn;
- Trang thông tin điện tử quận;
- Lưu: VT.(N).8b

CHỦ TỊCH



Nguyễn Trí Dũng



PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CÁC PHÒNG, BAN CHUYÊN MÔN THUỘC UBND QUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4620 /QĐ-UBND ngày 03 / 11 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

I. BỔ SUNG DỰ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

STT	MÃ SỐ	CLK	NỘI DUNG	Tổng kinh phí bổ sung	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 13)	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 14)
A	B	C	D	1	2	3	5
A			<u>QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC</u>	<u>128.830.296</u>		<u>128.830.296</u>	
1	1068399	624-341	<u>Phòng Lao động - TBXH</u>	<u>18.748.800</u>		<u>18.748.800</u>	
			Kinh phí Hội Nạn nhân chất độc da cam, dioxin	18.748.800		18.748.800	
2	1038150	614-341	<u>Phòng Tư pháp</u>	<u>18.748.800</u>		<u>18.748.800</u>	
			Kinh phí Hội Luật gia	18.748.800		18.748.800	
3	1025011	619-341	<u>Phòng Quản lý đô thị</u>	<u>91.332.696</u>		<u>91.332.696</u>	
			Kinh phí cộng tác viên Đội Quản lý TTĐT	91.332.696		91.332.696	
B			<u>SN VĂN HÓA</u>	<u>58.011.200</u>		<u>58.011.200</u>	
1	1071257	625-161	<u>Phòng Văn hóa và Thông tin</u>	<u>58.011.200</u>		<u>58.011.200</u>	
			Kinh phí tổ chức hội thi " Khu phố tôi yêu"	58.011.200		58.011.200	
C			<u>SN XÃ HỘI</u>	<u>4.000.000.000</u>		<u>4.000.000.000</u>	
	1068399		<u>Phòng Lao động - TBXH</u>	<u>4.000.000.000</u>		<u>4.000.000.000</u>	
		624-398	Hoạt động xã hội khác	4.000.000.000		4.000.000.000	
			Tổng cộng	4.186.841.496		4.186.841.496	-

II. ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN

STT	Mã số sử dụng ngân sách	C-L-K (mã CTMT)	Đơn vị	Tổng	Kinh phí tự chủ (NGUỒN 13)	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 14)
A	B	C	D	1	2	3	4
A			QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐĂNG, ĐOÁN THẺ	(492.268.025)	(159.842.507)	(241.272.504)	(91.153.014)
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(492.268.025)	(159.842.507)	(241.272.504)	(91.153.014)
		618-368	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện	(492.268.025)	(159.842.507)	(241.272.504)	(91.153.014)
B			<u>SN XÃ HỘI</u>	<u>(4.027.960.000)</u>		<u>(4.027.960.000)</u>	
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(4.027.960.000)		(4.027.960.000)	
		618-398	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện	(4.027.960.000)		(4.027.960.000)	
C			<u>QUỐC PHÒNG</u>	<u>(8.703.090)</u>		<u>(8.703.090)</u>	
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(8.703.090)		(8.703.090)	
		618-011	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện	(8.703.090)		(8.703.090)	
D			<u>SN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO</u>	<u>(16.231.204.000)</u>		<u>(16.231.204.000)</u>	
	1038145		Phòng Giáo dục và Đào tạo	(16.231.204.000)		(16.231.204.000)	
		622-075	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách phát sinh, Nghị định 81, hoạt động ngành, mua sắm TSCĐ, sửa chữa, khắc theo chủ trương UBND quận	(16.231.204.000)		(16.231.204.000)	
E			<u>SN VĂN HÓA</u>	<u>(141.707.150)</u>		<u>(141.707.150)</u>	
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(141.707.150)		(141.707.150)	
		618-161	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện	(141.707.150)		(141.707.150)	
D			<u>SN THỂ DỤC THỂ THAO</u>	<u>18.000.000</u>		<u>18.000.000</u>	
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	18.000.000		18.000.000	
		618-221	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện	18.000.000		18.000.000	
F			<u>SN Y TẾ</u>	<u>(86.400.000)</u>		<u>(86.400.000)</u>	
	1038144		Phòng Tài chính - Kế hoạch	(86.400.000)		(86.400.000)	
		618-139	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chưa có chủ trương, chưa xác định được đơn vị thực hiện	(86.400.000)		(86.400.000)	
			Tổng cộng	(20.970.242.265)	(159.842.507)	(20.719.246.744)	(91.153.014)



PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
KHOI PHƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số **4620**/QĐ-UBND ngày **03/11**/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

đvt: đồng

STT	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	Đơn vị	Tổng kinh phí bổ sung	Kinh phí chúc thọ, mừng thọ (Nguồn 12- Khoản 139)	Kinh phí trợ cấp cán bộ xã, phường, thị trấn già yếu đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hằng tháng theo Nghị định số 42/2023/NĐ-CP (Nguồn 12-Khoản 374)	Điều chỉnh/Bổ sung dự toán do điều động, nâng lương					
						Nguồn 13			Nguồn 12		
						QLNN (Khoản 341)	Đảng (Khoản 351)	Đoàn thể (Khoản 361)	Quốc phòng (Khoản 011)	QLNN (Khoản 341)	Đoàn thể (Khoản 362)
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K	L
1	1017743	UBND phường 1	0								
2	1017744	UBND phường 3	0								
3	1019566	UBND phường 4	0								
4	1018503	UBND phường 5	0								
5	1087804	UBND phường 6	0								
6	1051680	UBND phường 7	69.200.000	69.200.000							
7	1086249	UBND phường 8	21.760.000	14.800.000	6.960.000						
8	1086250	UBND phường 9	175.505.597		6.960.000	3.829.896	133.249.583	22.763.028	8.703.090		
9	1051681	UBND phường 10	0								
10	1051683	UBND phường 11	0								
11	1051544	UBND phường 12	7.080.000		7.080.000						
12	1051456	UBND phường 13	2.400.000	2.400.000							
13	1086251	UBND phường 14	0								
14	1051457	UBND phường 15	0								
15	1051542	UBND phường 16	6.960.000		6.960.000						
16	1051543	UBND phường 17	0								
		Tổng cộng	282.905.597	86.400.000	27.960.000	3.829.896	133.249.583	22.763.028	8.703.090	-25.695.000	25.695.000



PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CÁC ĐƠN VỊ ĐOÀN THỂ QUẬN

(Ban hành kèm theo Quyết định số **4620** /QĐ-UBND ngày **03** / **11** /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị tính: Đồng

	Mã số sử dụng ngân sách	C-L-K	Đơn vị	TỔNG CỘNG	Kinh phí thực hiện chính sách tiền lương theo quy định	
					Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 14)	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)
A	B	C	D	I=2+3	2	3
1	1038567	710-361	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	46.665.726		46.665.726
2	1038570	711-361	Quận đoàn	22.733.106		22.733.106
3	1037996	712-361	Hội Liên hiệp phụ nữ	22.161.156		22.161.156
4	1025024	714-361	Hội Cựu chiến binh	8.159.820		8.159.820
5	1025025	717-362	Hội Chữ thập đỏ	91.153.014	91.153.014	-
			Tổng cộng	190.872.822	91.153.014	99.719.808

**PHỤ LỤC BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023****CÁC ĐƠN VỊ CHI HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH QUẬN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **4620**/QĐ-UBND ngày **03** / **11** /2023 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Dự toán 2023	Ghi chú
I	HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG	12.722.400	
1	Hội người cao tuổi	12.722.400	Chi hỗ trợ Hội
	Tổng cộng	12.722.400	



**PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023
CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÓ THU TỰ BẢO ĐẢM MỘT PHẦN CHI PHÍ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4620 /QĐ-UBND ngày 03 / 11 /2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp)

Đơn vị tính: Đồng

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)	Ghi chú
A	B	C	D	1	2	3
I			Chi sự nghiệp giáo dục	16.231.204.000	16.231.204.000	
1	1127053	622-075	TT. GDNN-GDTX	307.741.000	307.741.000	
2	1038561	622-071	Trường Mầm non Hoa Quỳnh	106.715.000	106.715.000	
3	1038559	622-071	Trường Mầm non Hoa Lan	69.682.000	69.682.000	
4	1038329	622-071	Trường Mầm non Hoà Mi	76.525.000	76.525.000	
5	1037238	622-071	Trường Mầm non Sơn Ca	179.139.000	179.139.000	
6	1037892	622-071	Trường Mầm non Thủy Tiên	-80.000.000	-80.000.000	
7	1043454	622-071	Trường Mầm non Hướng Dương	-266.308.000	-266.308.000	
8	1043126	622-071	Trường Mầm non Sen Hồng	84.066.000	84.066.000	
9	1043450	622-071	Trường Mầm non Hoa Sen	138.481.000	138.481.000	
10	1043447	622-071	Trường Mầm non Hoàng Yến	39.592.000	39.592.000	
11	1043044	622-071	Trường Mầm non Ngọc Lan	92.413.000	92.413.000	
12	1043448	622-071	Trường Mầm non Quỳnh Hương	120.900.000	120.900.000	
13	1080674	622-071	Trường Mầm non Nhật Quỳnh	-150.659.000	-150.659.000	
14	1069692	622-071	Trường Mầm non Anh Đào	40.078.000	40.078.000	
15	1043125	622-071	Trường Mầm non Hoa Hồng	-75.908.000	-75.908.000	
16	1071100	622-071	Trường Mầm non Hồng Nhung	142.000	142.000	
17	1037234	622-071	Trường Mầm non Vàng Anh	9.744.000	9.744.000	
18	1080928	622-071	Trường Mầm non Hương Sen	3.666.000	3.666.000	
19	1118061	622-071	Trường Mầm non Hạnh Thông Tây	99.305.000	99.305.000	
20	1120226	622-071	Trường Mầm non An Nhơn	118.371.000	118.371.000	

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)	Ghi chú
A	B	C	D	I	2	3
21	1120463	622-071	Trường Mầm non Hoa Phượng Đỏ	15.600.000	15.600.000	
22	1122312	622-071	Trường Mầm non Tường Vi	291.298.000	291.298.000	
23	1124079	622-071	Trường Mầm non Sóc Nâu	113.428.000	113.428.000	
24	1131667	622-071	Trường Mầm non Mai Vàng	600.478.000	600.478.000	
25	1069263	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Thượng Hiền	296.242.000	296.242.000	
26	1067994	622-072	Trường Tiểu học Trần Văn Ôn	116.585.000	116.585.000	
27	1067996	622-072	Trường Tiểu học Phạm Ngũ Lão	246.856.000	246.856.000	
28	1069270	622-072	Trường Tiểu học Hanh Thông	211.707.000	211.707.000	
29	1038960	622-072	Trường Tiểu học Nguyễn Việt Xuân	88.514.000	88.514.000	
30	1038317	622-072	Trường Tiểu học Trần Quốc Toàn	154.954.000	154.954.000	
31	1038325	622-072	Trường Tiểu học Kim Đồng	128.074.000	128.074.000	
32	1043444	622-072	Trường Tiểu học Chi Lăng	595.726.000	595.726.000	
33	1043446	622-072	Trường Tiểu học Minh Khai	62.024.000	62.024.000	
34	1043449	622-072	Trường Tiểu học Lương Thế Vinh	12.312.000	12.312.000	
35	1038322	622-072	Trường Tiểu học An Hội	-1.340.000	-1.340.000	
36	1038319	622-072	Trường Tiểu học Lam Sơn	83.327.000	83.327.000	
37	1037138	622-072	Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm	215.906.000	215.906.000	
38	1069269	622-072	Trường Tiểu học Lê Hoàn	160.967.000	160.967.000	
39	1067990	622-072	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	88.915.000	88.915.000	
40	1043443	622-072	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	437.324.000	437.324.000	
41	1069268	622-072	Trường Tiểu học Trần Quang Khải	95.071.000	95.071.000	
42	1038958	622-072	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	124.133.000	124.133.000	
43	1120707	622-072	Trường Tiểu học Lê Quý Đôn	420.388.000	420.388.000	
44	1122167	622-072	Trường Tiểu học Lê Đức Thọ	354.797.000	354.797.000	
45	1122166	622-072	Trường Tiểu học Lê Văn Thọ	341.106.000	341.106.000	
46	1043128	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	545.173.000	545.173.000	
47	1043130	622-073	Trường THCS Gò Vấp	309.354.000	309.354.000	
48	1067963	622-073	Trường THCS Quang Trung	596.494.000	596.494.000	
49	1067964	622-073	Trường THCS Phạm Văn Chiêu	628.481.000	628.481.000	

S T T	Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	CLK	Đơn vị	TỔNG	Kinh phí không tự chủ (NGUỒN 12)	Ghi chú
A	B	C	D	1	2	3
50	1043127	622-073	Trường THCS Phan Tây Hồ	600.680.000	600.680.000	
51	1067966	622-073	Trường THCS An Nhơn	746.380.000	746.380.000	
52	1043129	622-073	Trường THCS Nguyễn Du	554.769.000	554.769.000	
53	1052167	622-073	Trường THCS Nguyễn Văn Nghi	1.022.198.000	1.022.198.000	
54	1051807	622-073	Trường THCS Lý Tự Trọng	217.929.000	217.929.000	
55	1051800	622-073	Trường THCS Thông Tây Hội	604.278.000	604.278.000	
56	1051801	622-073	Trường THCS Trường Sơn	236.629.000	236.629.000	
57	1109860	622-073	Trường THCS Nguyễn Trãi	690.338.000	690.338.000	
58	1118001	622-073	Trường THCS Tân Sơn	792.470.000	792.470.000	
59	1120706	622-073	Trường THCS Huỳnh Văn Nghệ	1.306.939.000	1.306.939.000	
60	1124016	622-073	Trường THCS Phan Văn Trị	482.317.000	482.317.000	
61	1038803	622-072	Trường giáo dục chuyên biệt Hy Vọng	728.698.000	728.698.000	
II			Chi sự nghiệp Văn hoá	83.695.950	83.695.950	
62	1038146	711-161	Nhà Thiếu nhi	83.695.950	83.695.950	
III			Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-18.000.000	-18.000.000	
63	1038562	625-221	Trung tâm thể dục thể thao	-18.000.000	-18.000.000	
			TỔNG	16.296.899.950	16.296.899.950	